

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23/01/2025

*“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Nguyễn Thị Lựu và bà Lại Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Phụng- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 347/2024/TLST-HNGĐ ngày 29/10/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/12/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07/01/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1991; nơi ĐKKHKT: Khu D, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương; nơi ở hiện nay: Tổ dân phố B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên - Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu D, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương - Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

+ Ông Phạm Văn X, sinh năm 1963; địa chỉ: Khu D, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày như sau: Chị và anh Đ kết hôn với nhau ngày 28/6/2023 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại

UBND phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống tại nhà mẹ đẻ anh Đ tại khu H, phường P, thị xã K. Thời kỳ đầu hôn nhân, chị và anh Đ chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ chơi bời, không đi làm, không quan tâm gia đình, không chăm lo con cái và thường xuyên chửi bới, đánh chị. Chị và gia đình hai bên đã nhiều lần động viên anh Đ thay đổi bản thân nhưng không có kết quả. Đến tháng 5/2024, do anh Đ thường xuyên đánh chị nên chị đã cùng con bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị tại tổ dân phố B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên sinh sống. Hai người cũng ly thân từ đó cho đến nay. Từ thời điểm ly thân, anh Đ không gọi điện, quan tâm vợ con hay tìm gặp đón mẹ con chị về. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là Phạm Thành T1, sinh ngày 30/10/2023. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T1 và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Chị hiện nay đang lao động tự do, thu nhập khoảng 8 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị và anh Đ không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai đương sự, bị đơn anh Phạm Văn Đ trình bày: Về điều kiện kết hôn, anh trình bày như chị H trình bày nêu trên. Sau ngày cưới, anh và chị H chung sống hạnh phúc nhưng một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau và sau đó anh có chủ động làm lạnh, xin lỗi chị H và vợ chồng lại chung sống bình thường. Đến khoảng tháng 5/2024, anh không biết lý do vì sao chị H bế con bỏ về nhà bố đẻ chị tại tổ dân phố B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên sinh sống. Anh và chị H ly thân từ đó cho đến nay. Kể từ khi ly thân, anh có vài lần tìm gặp, mong muốn đón chị H về nhưng không thành. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, quan hệ vợ chồng chỉ còn trên danh nghĩa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung như chị H trình bày nêu trên. Anh có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại anh đang lao động tự do, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Anh và chị H không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Lời khai của người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Đình T - bố đẻ của chị H trình bày: Chị H và anh Đ được tự do tìm hiểu và kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị H chuyển về chung sống với anh Đ tại phường P, thị xã K. Quá trình chung sống do ở xa và anh Đ, chị H ít về thăm nhà nên ông không biết vợ chồng có mâu thuẫn. Đến tháng 5/2024, chị H cùng con chuyển về nhà ông tại Thái Nguyên ở cho đến nay.

Khi ông hỏi thì chị H nói vợ chồng chị thường xuyên bất đồng, anh Đ chơi bời, không quan tâm gia đình và đánh đập chị, do không chịu đựng được nữa nên chị quyết định ly thân với anh. Thời gian ly thân, anh Đ không gặp gỡ, thăm nom chị H và con chung. Nay chị H yêu cầu xin ly hôn anh Đ, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo ý kiến của chị H. Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Phạm Thành T1, sinh ngày 30/10/2023. Vì cháu còn nhỏ nên ông đề nghị cho chị H được nuôi con. Nếu chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1 thì ông sẽ tạo điều kiện giúp đỡ chị H trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con.

+ Ông Phạm Văn X trình bày: Ông là bố đẻ của anh Đ và bố chồng của chị H. Anh Đ và chị H được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Quá trình anh chị chung sống, anh Đ có một vài lần đánh chị H. Ông đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Đ không thay đổi. Hiện chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị tại T. Ông đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng anh chị về đoàn tụ. Nếu chị H vẫn kiên quyết ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H và anh Đ.

- **UBND phường P và Trưởng khu D, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương cung cấp:** Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào năm 2023. Do anh chị không thông báo với chính quyền địa phương nên địa phương không nắm bắt được thông tin về mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn từ đâu. Anh Đ, chị H có 01 con chung là Phạm Thành T1, sinh ngày 30/10/2023. Đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và người nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chị H và anh Đ vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của các đương sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn Đ.

- *Về con chung:* Giao con chung là Phạm Thành T1, sinh ngày 30/10/2023 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung:* Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị H nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vắng mặt bị đơn anh Phạm Văn Đ nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, thấy rằng:

Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký vào ngày 28/6/2023 tại UBND phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương do vậy được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, cả chị H và anh Đ đều xác định cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H cho rằng anh Đ chơi bời, không tu chí làm ăn, không quan tâm gia đình, không chăm lo con cái và thường xuyên chửi bới, đánh chị. Anh Đ xác định nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau. Chị H và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 5/2024 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị H và anh Đ đều xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết, không có khả năng đoàn tụ. Chị H giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Đ. Anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn Đ là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị H và anh Đ có 01 con chung là Phạm Thành T1, sinh ngày 30/10/2023, hiện đang ở cùng chị H. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng. Anh Đ cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con với anh. Chị H và anh Đ đều xác định mình có đủ điều kiện nuôi con chung. Tuy nhiên hiện cháu T1 dưới 36 tháng tuổi, chị H có đủ điều kiện nuôi con nên cần giao cháu T1 cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Xét chị H có thu nhập ổn định và việc chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên cần chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn Đ.

2. Về con chung: Xử giao cháu Phạm Thành T1, sinh ngày 30/10/2023 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006976 ngày 23/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Báo chị H và anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Quyết